

# Tám yếu tố phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại mới

TS. TRẦN ĐĂNG THỊNH

Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

**Hiện nay, Việt Nam còn thiếu rất nhiều điều kiện để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhưng, phát huy nguồn lực con người là giải pháp phù hợp và tối ưu để rút ngắn khoảng cách tụt hậu. Việc nghiên cứu các nhân tố tạo nên nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó có những hướng đi cụ thể phát triển lực lượng này là vô cùng cấp thiết.**

## CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Chất lượng nguồn nhân lực (NNL) là một trong những yếu tố phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, chất lượng cuộc sống của dân cư hay mức độ văn minh của một xã hội. Chất lượng NNL được thể hiện thông qua hai tiêu chí chủ yếu là thể lực và trí lực.

Thể lực: là năng lực thể chất của NNL. Sức khỏe là điều kiện tiên quyết để duy trì và phát triển trí tuệ, là phương tiện để truyền tải tri thức vào hoạt động thực tiễn, biến tri thức thành sức mạnh vật chất phát triển kinh tế - xã hội. Tình trạng sức khỏe được phản ánh bằng một hệ thống các chỉ tiêu cơ bản như: Chiều cao, cân nặng, tuổi thọ, các chỉ tiêu về tình hình bệnh tật, các chỉ tiêu về cơ sở vật chất và các điều kiện về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

Trí lực: biểu hiện ở trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật của người lao động, tinh thần - thái độ, tác phong làm việc... Nói đến trình độ học vấn của người lao động là nói đến trình độ dân trí của một quốc gia, thông qua các chỉ số như: số lượng người biết chữ, mù chữ, số người đi học đúng độ tuổi, số người tốt nghiệp bậc phổ thông... Trình độ học vấn cao là điều kiện để người lao động tiếp thu và vận dụng

nhạy chóng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và sáng tạo ra những sản phẩm mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trình độ chuyên môn kỹ thuật của NNL là kiến thức, sự hiểu biết, khả năng thực hành về một chuyên môn nào đó trong quá trình lao động xã hội và được thể hiện thông qua các chỉ tiêu so sánh, như: tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật cao so với lực lượng lao động đang làm việc đã qua đào tạo; cơ cấu các loại lao động đã qua đào tạo theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và cấp bậc đào tạo thể hiện cơ cấu số lao động có trình độ đại học, cao đẳng/số lao động có trình độ trung cấp chuyên nghiệp/số lao động là công nhân kỹ thuật (thông thường, ở các quốc gia đã thực hiện thành công công nghiệp hóa được coi là hợp lý có tỷ lệ tương ứng là: 1/4/10).

Trí lực của NNL còn biểu hiện ở kỹ năng nghề nghiệp, chúng phụ thuộc trước hết vào khả năng của mỗi người, sự say mê nghề nghiệp, ý thức rèn luyện kỹ năng. Mặt này thể hiện qua thông số năng lực hoạt động chuyên môn và đạo đức phẩm chất của người lao động, mà quan trọng nhất là năng lực sáng tạo. Đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá năng lực trí tuệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Bên cạnh đó, khi xét chất lượng NNL không thể tách rời những điều kiện phát triển con người trong quốc gia đó. Theo Liên hiệp Quốc, sự phát triển nhân lực của các quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau có thể so sánh với nhau bằng một thước đo chung, đó là chỉ số phát triển con người hay chỉ số phát triển nhân lực (HDI) gồm 3 tiêu chí: mức độ phát triển kinh tế, xác định bằng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người hàng năm; chỉ tiêu về phát triển giáo dục (chỉ tiêu học

vấn), xác định bằng tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ đi học của các cấp giáo dục; chỉ tiêu y tế, tính bằng tuổi thọ bình quân của người dân. Theo quy ước quốc tế, giá trị HDI của các nước và lãnh thổ trên thế giới nằm trong khoảng từ 0 đến 1, giá trị HDI càng gần đến 1 thì mức độ phát triển NNL rất cao, nếu nước nào có giá trị HDI dưới 0,4 thì mức độ phát triển NNL bị coi là thấp.

Ngoài ra, phẩm chất đạo đức, tác phong làm việc, truyền thống văn hóa bao gồm: tập quán, thói quen, phong cách, đạo đức, lối sống, truyền thống, văn hóa dân tộc... cũng có ảnh hưởng lớn đến tác phong lao động, ý thức chấp hành kỷ luật lao động, tinh thần thái độ trong công việc, nó có thể hàm chứa cả ý thức dân tộc.

### ĐỂ ĐẠT ĐẾN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Sự hình thành NNL chất lượng cao xuất phát từ sự phát triển khách quan của sản xuất dưới tác động của cách mạng khoa học – công nghệ. Từ đó, có thể xác định rõ bản chất của NNL chất lượng cao là bộ phận

NNL hình thành và phát triển phù hợp với yêu cầu của nền sản xuất hiện đại, dựa trên cơ sở cách mạng khoa học – công nghệ.

Đây là lực lượng được đánh giá là rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế ngày nay, đặc biệt trong xu thế hình thành, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập. Theo đó, NNL chất lượng cao phải đảm bảo ở mức

cao các tiêu chí về chất lượng NNL, như: thể lực, trí lực, trình độ chuyên môn tay nghề, nhân cách - đặc biệt là ý thức công dân, lòng yêu nước. Ngoài ra,

trong xu thế toàn cầu hóa, người lao động còn phải biết chủ động hội nhập quốc tế, cũng có nghĩa là chấp nhận cạnh tranh với thế giới bên ngoài.

Lực lượng này bị chi phối bởi nhiều nhân tố, như: trình độ phát triển của nền kinh tế - xã hội, trình độ phát triển khoa học, công nghệ, hội nhập quốc tế, chiến lược dân số, trình độ phát triển giáo dục và đào tạo, yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc, chính sách y tế chăm sóc sức khỏe, chính sách vĩ mô của Nhà nước. Cụ thể:

*Một là, trình độ phát triển của nền kinh tế - xã hội.* NNL chất lượng cao được coi là nguồn vốn được đầu tư nhằm sinh lợi cao, nên nó đóng vai trò tạo thu nhập ngày càng lớn dưới hình thái giá trị gia tăng cho các chủ thể của NNL này từ cấp độ quốc gia tới doanh nghiệp và từng người lao động. Thông thường, những

nước có trình độ kinh tế phát triển cao sẽ có NNL chất lượng cao, thu nhập (GDP) bình quân/người/năm và tuổi thọ đều cao. Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định đến tăng trưởng kinh tế và có tính độc lập, tác động trở lại để đạt được trình độ phát triển cao. Kinh nghiệm ở các nước Hàn Quốc, Singapore cho thấy, nhờ chăm lo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nên họ đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhanh chóng vượt qua tình trạng đói nghèo, kém phát triển để trở thành quốc gia giàu có, trình độ phát triển cao, mà không bị rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

*Hai là, trình độ phát triển khoa học công nghệ,* trọng tâm là đội ngũ trí thức, với cơ cấu đồng bộ trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, quản lý kinh tế - xã hội, là lực lượng nòng cốt của NNL chất lượng cao. Cũng chính từ đội ngũ này sẽ là nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng thu hút các tài năng trẻ, tạo nên một thế hệ đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học giỏi và những cán bộ có năng lực công nghệ giỏi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, theo sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động xã hội trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, phân công lao động xã hội cũng có xu hướng đẩy nhanh sự phát triển của các ngành mới, thuộc nhóm các ngành công nghệ cao, các ngành dịch vụ, do đó NNL chất lượng cao cũng có xu hướng phát triển không đều mà tập trung vào các ngành đó.

*Ba là, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa,* là xu hướng phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Đó là mức độ tham gia vào sự hợp tác, phân công lao động quốc tế giữa các nước với nhau, thúc đẩy cạnh tranh để phát triển trên phạm vi toàn thế giới. Hội nhập làm cho thị trường lao động mang tính quốc tế hóa rất cao, chuyên môn của người lao động cũng được nâng lên, mức độ cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt hơn, có sự sàng lọc, đào thải buộc chất lượng NNL phải được nâng lên.

*Bốn là, chính sách dân số và tốc độ gia tăng dân số hợp lý,* nhân tố này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển số lượng và chất lượng NNL. Tăng trưởng dân số phù hợp với mức tăng trưởng của sức sản xuất xã hội, trong đó phù hợp với tăng chất

**Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện ở trình độ dân trí cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo được yêu cầu phát triển của đất nước, người lao động biết vận dụng sáng tạo các thành tựu khoa học vào thực tiễn**

lượng NNL sẽ giúp kinh tế phát triển ổn định, đồng thời đảm bảo chất lượng NNL cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng nếu quy mô dân số đông, tốc độ dân số gia tăng sẽ làm tăng tỷ lệ số người ăn theo/lao động, làm chậm tốc độ gia tăng GDP/người, gây sức ép về nhu cầu việc làm và các vấn đề xã hội khác. Với mức độ gia tăng tương đối cao của lực lượng lao động trong bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ thời gian nhàn rỗi ở nông thôn tương đối cao như hiện nay đang đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức, trong khi chất lượng lao động lại thấp và cơ cấu lao động còn rất bất hợp lý. Trong khi đó, Việt Nam đã vào thời kỳ tỷ lệ dân số vàng. Qua thời kỳ này là giai đoạn già hóa. Nếu không toàn dụng lao động Việt Nam sẽ khó tránh khỏi thực trạng: “chưa kịp giàu đã già hóa”.

*Năm là, trình độ giáo dục và đào tạo*, khi khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thì chất lượng NNL trở thành nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng. Đối với nước ta, để thực hiện mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, cần cải cách giáo dục đào tạo một cách căn bản và mạnh mẽ. Đại hội XI Đảng CSVN đã thêm một lần nữa khẳng định: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt”.

*Sáu là, truyền thống dân tộc và sự phát triển của nền văn hóa*. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình biến đổi cách mạng về mọi mặt của đời sống con người và cộng đồng, nó đòi hỏi phải thực hiện trong môi trường văn hóa phù hợp. Đó là môi trường văn hóa, mà những truyền thống lịch sử và văn hóa của quốc

gia được bồi đắp và kết tinh trong mỗi con người và cộng đồng dân tộc, hun đúc nên bản lĩnh, ý chí, tác phong của người lao động Việt Nam.

*Bảy là, trình độ y tế và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe*. Đây là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng NNL, là yếu tố không thể thiếu trong phát triển về thể chất cũng như tinh thần của người lao động. Thực tế cho thấy, nước nào có trình độ y tế và các dịch vụ y tế phát triển, thì nước đó có nhiều điều kiện để phát triển NNL chất lượng cao, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ...

Ở Việt Nam, những thành tựu của dịch vụ chăm sóc sức khỏe đã góp phần không nhỏ đến việc nâng cao chất lượng NNL trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, chất lượng các cơ sở dịch vụ y tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, đặc biệt là điều kiện chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Chỉ số sức khỏe giữa các vùng còn có sự khác biệt rất lớn...

*Tám là, các chính sách vĩ mô của Nhà nước*, có tác động quan trọng tới việc nâng cao chất lượng NNL, đặc biệt là các chính sách kinh tế xã hội, như: phát triển giáo dục cơ bản; phát triển đào tạo NNL (phát triển kỹ năng) bao gồm chính sách về quy mô, cơ cấu đào tạo, chính sách tài chính trong phát triển đào tạo NNL; thu hút và sử dụng NNL; thị trường lao động; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Các chính sách này tạo ra môi trường pháp lý cho quá trình hình thành và phát triển NNL nói chung, NNL chất lượng cao nói riêng. Có chính sách phù hợp sẽ hỗ trợ và thúc đẩy; ngược lại, sẽ kìm hãm hoặc làm lãng phí NNL, rất khó khăn trong việc nâng cao chất lượng NNL. □

BẢNG DỰ BÁO MỨC GIA TĂNG DÂN SỐ  
TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020

(Đơn vị tính: nghìn người)

Năm	Số người vào tuổi lao động	Số người hết tuổi lao động	Số lao động tăng thêm
1995	1.632,5	384,2	1.248,3
2000	1.747,7	356,9	1.390,8
2005	1.812,4	369,9	1.442,5
2010	1.879,9	491,6	1.388,3
2020	1.862,9	892,0	970,9

Nguồn: Quỹ dân số Liên hợp quốc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Quốc Chánh (1999). *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Phạm Minh Hạc (2001). *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. Đoàn Khởi (2003). *Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo, kinh nghiệm Đông Á*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
4. Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc UNDP (2000). *Báo cáo phát triển nguồn nhân lực*